

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mù;

Bà Nguyễn Thị Kim Cơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đặng Thị Thu B, sinh năm 1997; cư trú tại: ấp BT, xã PB, thị xã N, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* anh Chung Văn P, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp BT, xã PB, thị xã N, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai - nguyên đơn chị Đặng Thị Thu B trình bày:

Chị và anh Chung Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, không có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống chung nhà với mẹ ruột của chị. Trong thời gian chung sống, chị làm công nhân, còn anh P làm thợ sửa xe. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Chị làm công nhân hay đi sớm về trễ thì anh P ghen tuông, nghi ngờ chị. Vì vậy, anh P bỏ về nhà mẹ ruột sống khoảng 01 năm nay.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Chung Thị Yến N, sinh ngày 13-7-2020. Hiện cháu N đang sống với chị.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Chung Văn P trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị B là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị B đi sớm về muộn dẫn đến vợ chồng gây gổ với nhau. Ngoài ra, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị B. Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đang sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu B và anh Chung Văn P.

Về con chung: Giao cháu Chung Thị Yến N, sinh ngày 13-7-2020 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị B và anh P chung sống với nhau vào năm 2016 không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị B và anh P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, mất lòng tin lẫn nhau. Nay chị B vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh P; anh P đồng ý ly hôn với chị B. Do đó, xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị B và anh P trầm trọng. Việc thuận tình ly hôn giữa chị B và anh P là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh P.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Chung Thị Yến N, sinh ngày 13-7-2020. Hiện nay, cháu N đang sống với chị B. Khi ly hôn, chị B, anh P cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N. Xét thấy cháu N, sinh ngày 13-7-2020 (dưới 36 tháng tuổi). Hiện nay, cháu N do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh P thừa nhận cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt. Qua xác minh chính quyền địa phương, chị B có nghề nghiệp ổn định, còn cháu N phát triển tốt, sức khỏe bình thường, ổn định. Căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu N cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu B và anh Chung Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Chung Thị Yến N, sinh ngày 13-7-2020 cho chị Đặng Thị Thu B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Thu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0026372 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm